dāng shí

当时

Noun · at that time

Example Sentences

dāng shí shì zǎo shàng bā diǎn
当 时是早 上 八点。

It was eight o'clock in the morning at that time.

wǒ dāng shí bù zhī dào zhè jiàn shì
我 当 时不知道这件事。

I didn't know about this matter at that time.

dāng shí wǒ wán quán méi yù liào dào huì yǒu zhè yàng de jié guǒ
当 时我完 全 没预料到会有这 样 的结果。

I didn't anticipate such an outcome at all at that time.

Trace each character, then write the word on your own.